

Số 07^K/KHCSGD-GCT15

Đăk Wer, ngày 8 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH
Chăm sóc giáo dục trẻ năm học 2024-2025

Căn cứ Kế hoạch số 06/CM-MNHHD ngày 6 tháng 9 năm 2024 của chuyên môn trường MN Hoa Hướng Dương về việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn năm học 2024 – 2025;

Căn cứ vào Kế hoạch số 07/TMC-MNHHD ngày 7 tháng 9 năm 2024 về việc thực hiện chăm sóc giáo dục trẻ của tổ Mầm Chồi năm học 2024-2025;

Căn cứ tình hình thực tế của lớp;

Lớp Ghép Chồi Thôn 15 xây dựng Kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ năm học 2024 - 2025 với những mục tiêu, nội dung như sau:

MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC:

STT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
I. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
1. Phát triển vận động		
a. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp		
MT1	3 tuổi: Thực hiện đủ các động tác trong bài thể dục theo hướng dẫn.	Hô hấp: Hít vào, thở ra Tay: - Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang hai bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). - Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau và trên đầu) Lưng, bụng, lườn: - Cúi về phía trước, ngửa ra sau. - Quay sang trái, sang phải. - Nghiêng người sang trái, sang phải. Chân: - Nhún chân.
	4 tuổi: Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	

		<ul style="list-style-type: none"> - Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. - Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.
b. Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động		
MT2	3 tuổi: Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi.	<ul style="list-style-type: none"> - Đi bằng gót chân. - Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.
	4 tuổi: Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi.	<ul style="list-style-type: none"> - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vạch chuẩn. - Đi khụy gối. - Đi lùi trên sàn
MT3	3 tuổi: Kiểm soát được vận động chạy.	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Chạy 15m trong khoảng 10 giây.
	4 tuổi: Kiểm soát được vận động chạy	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy chậm 60- 80 m.
MT4	3 tuổi: Phối hợp tay- mắt trong vận động tung – bắt bóng.	<ul style="list-style-type: none"> - Đập và bắt bóng tại chỗ. - Tung bắt bóng với người đối diện: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3m).
	4 tuổi: Phối hợp tay- mắt trong vận động tung bắt bóng.	<ul style="list-style-type: none"> - Tung bóng lên cao và bắt bóng. - Chuyển và bắt bóng qua đầu, qua chân.
MT5	3 tuổi: Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập ném.	<ul style="list-style-type: none"> - Ném trúng đích bằng 1 tay. - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.
	4 tuổi: Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập ném.	
MT6	3 tuổi: Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập bò.	<ul style="list-style-type: none"> - Bò bằng bàn tay, bàn chân 3 - 4m. - Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m
	4 tuổi: Thể hiện nhanh, mạnh,	x0,6m.

	khéo trong thực hiện bài tập bò.	- Bò đích dắc qua 5 điểm.
MT7	3 tuổi: Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập bật- nhảy.	- Bật liên tục về phía trước. - Bật xa 35 - 40cm. - Bật tách chân, khếp chân qua 5 ô. - Nhảy lò cò 3m.
	4 tuổi: Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập bật - nhảy	- Bật nhảy từ trên cao xuống (cao 30 – 40 cm). - Bật qua vật cản cao 10-15cm
MT8	3 tuổi: Phối hợp tay- mắt trong vận động trườn.	- Trườn theo hướng thẳng. - Trèo qua ghế dài 15mx30m
	4 tuổi: Phối hợp tay- mắt trong vận động trườn.	- Trèo lên xuống 5 gióng thang
MT9	3 tuổi: thực hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp.	-Đi, chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. -Đi, chạy thay đổi theo hướng đích dắc.
	4 tuổi: thực hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp.	-Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.
c. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ		
MT10	3 tuổi: Xoay tròn cổ tay.	- Vo, xoắn, xoáy, vặn, búng ngón tay, vè, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn nổi...
	4 tuổi: Thực hiện được các vận động: Cuộn, xoay tròn cổ tay.	
MT11	3 tuổi: Gập, đan ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay.	- Gập đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan, tết.
	4 tuổi: Thực hiện được các vận động: Gập, mở các ngón tay.	- Gập vào mở các ngón tay. - Gấp giấy.
MT12	3 tuổi: Xếp chồng 8-10 khối	- Trẻ biết xếp chồng 8 – 10 khối gỗ

	không đồ.	không đồ.
	4 tuổi: Xây dựng, lắp ráp với 10-12 khối hình.	- Xây dựng, lắp ráp trường học, người, nhà, ô tô, xe, đạp, thuyền buồm, bến tàu, chuồng, trại, biển báo giao thông, doanh trại bộ đội, lăng Bác Hồ,... - Trẻ biết xếp chồng 10 – 12 khối gỗ không đồ. - Xếp theo khả năng của trẻ.
MT 13	3 tuổi: Biết tết sợi đôi dưới sự hướng dẫn của cô.	- Trẻ thực hiện được thao tác tết sợi đôi.
	4 tuổi: Biết tết sợi đôi.	
MT14	3 tuổi: Tự cài, cởi cúc.	- Cài, cởi cúc, kéo khóa, mặc áo, cởi áo. - Cài, cởi cúc, kéo khóa, mặc áo, khâu hạt, buộc dây.
	4 tuổi: Tự cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.	
2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
a. Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe		
MT15	3 tuổi: Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc.	- Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật, tranh ảnh như: Thịt, cá trứng, sữa, rau... - Trẻ biết một số nhóm thực phẩm cùng nhóm: Thịt, cá, trứng có nhiều chất đạm - Rau, quả chín có nhiều vitamin...
	4 tuổi: Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm.	
MT16	3 tuổi: Biết tên một số món ăn hàng ngày.	- Biết tên một số món ăn hàng ngày như: Trứng rán, cá kho, canh rau... - Biết tên một số món ăn hàng ngày như: Trứng rán, thịt kho, canh rau... - Nhận biết dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể
	4 tuổi: Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản.	

		lộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...
MT17	3 tuổi: Biết ăn để chóng lớn khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ ăn hết khẩu phần ăn của mình. - Trẻ ăn nhiều món ăn khác nhau khi ở nhà, khi ở trên trường.
	4 tuổi: Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	<ul style="list-style-type: none"> - Ăn đầy đủ các nhóm thực phẩm. - Không kén chọn thức ăn. - Ăn hết suất ăn.
MT18	3 tuổi: Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống và bệnh tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo dục cho trẻ không uống nước lã ảnh hưởng đến sức khỏe (đau bụng, ỉa chảy). Uống nước đã đun sôi để nguội... - Không ăn các thức ăn, nước uống có hại: Có mùi hôi/chua/có màu lạ. Ví dụ các thức ăn ôi thiu, rau quả khi chưa rửa sạch... - Giáo dục trẻ không nên ăn quá nhiều bánh kẹo, nước uống có ga.
	4 tuổi: Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Kể được các thức ăn, nước uống có hại: Có mùi hôi /chua/có màu lạ. Ví dụ các thức ăn ôi thiu, nước lã, rau quả khi chưa rửa sạch... sẽ bị đau bụng và ỉa chảy. - Không ăn, uống những thức ăn đó.
b. Thực hiện được 1 số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.		
MT19	3 tuổi: Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết đi vệ sinh đúng khu vực dành cho nam và cho nữ.
	4 tuổi: Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	
MT20	3 tuổi: Làm quen với cách	Thực hiện được với sự giúp đỡ của

	đánh răng, lau mặt.	người lớn:
	4 tuổi: Tập đánh răng, lau mặt.	- Tự chải răng, rửa mặt, súc miệng. - Gọn: không vẩy nước ra ngoài, không ướt áo/quần.
MT21	3 tuổi: Tập rửa tay bằng xà phòng.	- Biết rửa tay theo quy trình 6 bước. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng theo quy trình 6 bước.
	4 tuổi: Tự rửa tay bằng xà phòng.	- Tự rửa tay bằng xà phòng.
MT22	3 tuổi: Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách. - Trẻ biết cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không làm đổ cơm và thức ăn ra ngoài.
	4 tuổi: Trẻ tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Tư thế ngồi thoải mái. - Trẻ biết cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không làm đổ cơm và thức ăn ra ngoài. - Tư thế ngồi thoải mái.
MT23	3 tuổi: Biết thay quần áo khi bị ướt, bản dưới sự giúp đỡ của người lớn.	- Khi quần áo bị ướt, bản trẻ lấy quần áo và thay hoặc nhờ sự giúp đỡ của người lớn.
	4 tuổi: Tự thay quần, áo khi bị ướt, bản. MT22	- Khi quần áo bị ướt, bản trẻ tự lấy quần áo và thay.
c. Có một số hành vi, thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe		
MT24	3 tuổi: Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định hoặc nhờ sự giúp đỡ của người lớn.	- Khi thấy rác trẻ biết nhặt rác và bỏ rác vào thùng rác.
	4 tuổi: Bỏ rác đúng nơi quy định.	
MT25	3 tuổi: Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở.	- Biết mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và nhiều loại thức ăn khác nhau.
	4 tuổi: Có một số hành vi tốt	

	trong ăn uống.	- Không uống nước lã.
MT26	3 tuổi: Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	- Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.
	4 tuổi: Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	- Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu. - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.
d. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh		
MT27	3 tuổi: Biết tránh nơi nguy hiểm	- Biết tránh nơi nguy hiểm như: Hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố sâu... khi được nhắc nhở
	4 tuổi: Biết tránh một số nơi nguy hiểm.	- Giáo dục cho trẻ không được lại gần những nơi nguy hiểm như: Ổ điện, bếp đang đun, phích nước nóng,...
MT28	3 tuổi: Biết tránh một số hành động nguy hiểm.	- Không cười đùa trong khi ăn, uống, hoặc khi ăn các loại quả có hạt.
	4 tuổi: Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.	- Không tự lấy thuốc uống - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn - Không xem ti vi ở khoảng cách quá gần.
MT29	3 tuổi: Không tự ý uống thuốc.	- Không tự ý lấy thuốc và uống thuốc
	4 tuổi: Không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.	khi người lớn không cho phép.
MT30	3 tuổi: Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	- Không nghịch các vật sắc nhọn - Không bỏ vật nhỏ vào mũi, tai, miệng

	4 tuổi: Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	
MT31	3 tuổi: Trẻ biết nhận ra một số trường hợp nguy hiểm dưới sự giúp đỡ của người lớn và gọi người giúp đỡ.	<ul style="list-style-type: none"> - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc.
	4 tuổi: Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ.	
II. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
1. Khám phá khoa học		
a. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng		
MT32	3 tuổi: Quan tâm, hứng thú đến các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Thích những cái mới (đồ chơi, đồ vật, trò chơi, hoạt động mới) - Hay đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lại bị ướt?...
	4 tuổi: Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo.	
MT33	3 tuổi: Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu các đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ... để nhận ra đặc điểm nổi bật của các đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát khám phá: Như cầm, nắm, ngửi, sờ, nhìn... - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại của con người.
	4 tuổi: Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	

		nước, đất, đá, cát, sỏi...
MT34	3 tuổi: Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng.	- Biết thực hiện, trải nghiệm 1 số bài thí nghiệm, đưa ra ý kiến nhận xét, so sánh... - Làm thí nghiệm vật chìm vật nổi.
	4 tuổi: Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	- Làm thí nghiệm các loại nước, pha màu, muối đường hòa tan trong nước...
MT35	3 tuổi: Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu nổi bật.	- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu.
	4 tuổi: Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	- Tên gọi, đặc điểm, công dụng của một số đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu.
MT36	3 tuổi: Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	- Gọi tên một số loại đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm bên ngoài của đồ dùng, đồ chơi.
	4 tuổi: Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	- Công dụng cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi.
MT37	3 tuổi: Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.	- Trẻ gọi tên, đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông, biển báo giao thông, luật lệ giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu.
	4 tuổi: Đặc điểm, công dụng của 1 số phương tiện giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 phương tiện giao thông,..
MT38	3 tuổi: Đặc điểm nổi bật và lợi ích của con vật, cây, hoa, quả	- Gọi tên, hoa, quả con vật, cây cối gần gũi xung quanh.

	quen thuộc	- Biết được đặc điểm bên ngoài của con vật, hoa, quả gần gũi, lợi ích và tác hại đối với con người. - Phân loại, so sánh sự giống nhau và khác nhau của cây, con vật, hoa, quả...theo 1-2 dấu hiệu. - Giáo dục trẻ cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.
MT39	3 tuổi: Nhận biết và so sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.	- Nhận biết được sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.
	4 tuổi: So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.	- So sánh được sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.
MT40	3 tuổi: Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.	- Trẻ nhận biết ban ngày: Trời sáng, sinh hoạt của con người, con vật, cây.
	4 tuổi: Sự khác nhau giữa ngày và đêm.	- Trẻ biết ban đêm: Trời tối. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm.
MT41	3 tuổi: Lợi ích của nước với đời sống của con người, con vật, cây.	- Nhận biết một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày. - So sánh 2-3 nguồn nước.
	4 tuổi: Ích lợi của nước với đời sống của con người, con vật và cây.	- Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Nước có ích lợi đối với đời sống con người, con vật, cây
MT42	3 tuổi: Lợi ích của nước với đời sống của con người, con vật, cây.	- Nhận biết một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày. - So sánh 2-3 nguồn nước.
	4 tuổi: Một số đặc điểm, tính chất của nước.	- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.

		<ul style="list-style-type: none"> - Nước có lợi ích đối với đời sống con người, con vật, cây. - Gọi tên và nêu được đặc điểm, tính chất của nước. - Nêu được khác biệt cơ bản của các nguồn nước.
MT43	3 tuổi: Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả đối tượng, được quan sát với sự gợi mở của cô giáo. - Chơi đóng vai bắt chước các hành động của những người gần gũi như: chuẩn bị bữa ăn của mẹ, bác sĩ khám bệnh....
	4 tuổi: Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau các đối tượng được quan sát.	<ul style="list-style-type: none"> - Biết đưa ra nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau các đối tượng được quan sát như đặc điểm bên ngoài của các sự vật hiện tượng, các con vật gần gũi, ích lợi và tác hại của chúng đối với con người
MT44	3 tuổi: Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.	<ul style="list-style-type: none"> - Một số hiện tượng thời tiết các ngày trong tuần. - Nhận biết dấu hiệu của các mùa trong năm và ảnh hưởng của của nó đến sinh hoạt của con người.
	4 tuổi: Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của của nó đến sinh hoạt của con người.	<ul style="list-style-type: none"> - Biết Tây Nguyên có 2 mùa rõ rệt và ảnh hưởng của của nó đến sinh hoạt của con người.
b. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản		
MT45	3 tuổi: Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét thảo luận được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. - Nêu được nguyên nhân dẫn đến hiện

	4 tuổi: Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi.	tương đối. Ví dụ: Cho thêm đường / muối nên nước ngọt / mặn hơn.
MT46	3 tuổi: Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản dưới sự gợi ý của người lớn.	- Biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn. Ví dụ: “làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn”,...
	4 tuổi: Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.	- Trẻ tự giải quyết vấn đề theo khả năng của trẻ.
2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán		
a. Tập hợp số lượng, số thứ tự và đếm		
MT47	3 tuổi: Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5. - Sử dụng các số từ 1- 5 để chỉ số lượng các số thứ tự.
	4 tuổi: Quan tâm đến chữ số, lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?	- Đếm và nói đúng số lượng đến 5 (hạt na, cái cúc, hạt nhựa, con vật, bông hoa, cây...) - Đọc được các chữ số từ 1 đến 5 và chữ số 0. - Chọn thẻ chữ số tương ứng (hoặc viết) với số lượng đã đếm được. - Đếm số lượng theo khả năng trẻ.
MT48	3 tuổi: Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng của trẻ. Một và nhiều.
	4 tuổi: - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10. - Đếm số lượng trên tranh, ảnh, đồ dùng, đồ chơi...

		- Đếm theo khả năng của trẻ.
MT49	3 tuổi: So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5. (Theo khả năng của trẻ) - Nói được nhóm nào có số lượng nhiều hơn / ít hơn/ bằng nhau.
	4 tuổi: So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. - Đếm theo khả năng của trẻ.
MT50	3 tuổi: Biết gộp và đếm 2 nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5	- Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5. - Kiểm tra, đếm và nói kết quả.
	4 tuổi: Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	
MT51	3 tuổi: Tách 1 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm.	Tách 5 đồ vật (hạt na, cái cúc, hạt nhựa...) thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau.
	4 tuổi: Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	
MT52	3 tuổi: Xếp tương ứng.	Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.
	4 tuổi: Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.	
b. Sắp xếp theo quy tắc		
MT53	3 tuổi: Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp theo quy tắc 1-1,2-2,3-3, 1-2,1-3,2-3...
	4 tuổi: Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.

	sao chép lại.	- Xếp xen kẽ.
c. So sánh hai đối tượng		
MT54	3 tuổi: So sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn, nhỏ hơn, dài hơn, ngắn hơn, cao hơn, thấp hơn, bằng nhau.	- Trẻ biết so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn, nhỏ hơn, dài hơn, ngắn hơn, cao hơn, thấp hơn, bằng nhau. - Đo độ dài một vật bằng một đơn vị
	4 tuổi: Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo của 2 đối tượng. - Đo dung tích bằng 1 đơn vị đo. - Nói đúng kết quả đo.
d. Nhận biết hình dạng		
MT55	3 tuổi: Nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Gọi tên được hình tròn và tam giác, hình vuông và chữ nhật - So sánh được sự giống nhau và khác nhau giữa hai hình tròn và tam giác, hình vuông và chữ nhật.
	4 tuổi: Chỉ ra các điểm giống và khác nhau giữa hai hình (hình tròn và tam giác, hình vuông và chữ nhật)	
MT56	3 tuổi: Trẻ biết nhận biết biểu tượng, ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	+ Ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe) + Giải thích bằng mẫu câu: Tại vì...nên...)
	4 tuổi: Trẻ biết nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	
e. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian		
MT57	3 tuổi: Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân như: phía trước - phía sau, phía trên - phía dưới
	4 tuổi: Xác định vị trí của đồ	phía phải - phía trái.

	vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau, phía trên - phía dưới phía phải - phía trái)	
MT58	3 tuổi: Nhận ra được các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày theo sự giúp đỡ của cô.	Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày theo sự giúp đỡ của cô như: buổi sáng từ 6-10h; trưa từ 11h-13h; buổi chiều 13h30- 17h, tối từ 18h...
	4 tuổi: Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	
3. Khám phá xã hội		
a. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng		
MT59	3 tuổi: Nói tên bố mẹ các thành viên trong gia đình và địa chỉ gia đình mình.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nói được tên bố mẹ các thành viên trong gia đình, nói được ai là người sinh ra bố mẹ, sinh ra các con. - Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình. - Trẻ nhớ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ, một số nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình. - Giáo dục trẻ sự yêu thương, đùm bọc giữa các thành viên trong gia đình...
	4 tuổi: Nói họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.	
MT60	3 tuổi: Nói tên trường, lớp, cô giáo và một số công việc của cô giáo khi được hỏi, trò chuyện.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nhớ tên, địa chỉ của trường, lớp và một số công việc của cô giáo và các cô, bác trong trường. - Giáo dục trẻ luôn tôn trọng và kính yêu, lễ phép với cô giáo và các cô, bác trong trường.
	4 tuổi: Tên, địa chỉ của trường, lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô, bác ở	

	trường.	
MT61	3 tuổi: Nói tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.	- Trẻ nói tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi, các hoạt động ở trường khi được hỏi, trò chuyện. - Biết giữ gìn và bảo vệ đồ dùng, đồ chơi.
	4 tuổi: Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường, ở lớp.	- Trẻ nhớ tên, nhận biết các đặc điểm trên cơ thể như : tóc, cao – thấp, gầy – mập, tóc dài – tóc ngắn... - Nhận xét sự giống và khác nhau giữa bạn trai và bạn gái.
b. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương		
MT62	3 tuổi: Kể tên và nói được sản phẩm một số nghề phổ biến nơi trẻ sống.	- Trẻ gọi tên, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương như: (nghề nông - nghề công nhân, nghề dạy học - Bác sĩ,...) khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh.
	4 tuổi: Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.	- Biết tạo hình mô phỏng một công cụ hay sản phẩm nào đó.
c. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh		
MT63	3 tuổi: Kể tên một số lễ hội qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Kể tên và nói được một vài đặc điểm nổi bật của ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước, ở địa phương như: ngày tết cổ truyền Việt Nam. Ngày khai giảng, tết trung thu , ngày Quốc Khánh 2/9, 5/9(ngày hội đến trường) .(Ngày nhà giáo Việt Nam: 20/11, 8/3, 30/4, 1/6....)...
	4 tuổi: Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	
MT64	3 tuổi: Kể tên một vài danh lam thắng cảnh ở địa phương.	- Cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, một vài đặc điểm nổi bật danh lam thắng cảnh ở địa phương...
	4 tuổi: Kể tên và nêu một vài	

	đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	
III. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
1. Nghe hiểu lời nói		
MT65	3 tuổi: Thực hiện được yêu cầu đơn giản.	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và làm theo 1-2 yêu cầu. - Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.
	4 tuổi: Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.	<ul style="list-style-type: none"> - Biểu hiện sự cố gắng quan sát, nghe và thực hiện các qui định chung trong chế độ sinh hoạt của lớp (giơ tay khi muốn nói, chờ đến lượt, trả lời câu hỏi, chăm chú lắng nghe...). - Khi đến lớp giáo viên yêu cầu trẻ thực hiện chỉ dẫn và trẻ thực hiện được (ví dụ cất balô lên giá, cởi giày và vào lớp chơi cùng các bạn khác).
MT66	3 tuổi: Hiểu nghĩa của các từ gần gũi	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết sử dụng các từ có nghĩa đơn giản, gần gũi như: quần áo, đồ chơi, hoa, quả.
	4 tuổi: Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	<ul style="list-style-type: none"> - Nói được từ khái quát chỉ các vật (hoặc đồ vật) sau khi được xem vật thật hoặc tranh các vật (hoặc đồ vật) cùng loại và nghe nói mẫu từ khái quát chỉ các vật hoặc đồ vật nào đó. Ví dụ: Đưa ra trước mặt trẻ các đồ vật sau (có thể dùng tranh): Cốc, ca, li và chỉ vào các đồ vật đó nói: Đây là cái cốc, ca, li. Tất cả được gọi chung là đồ dùng để uống ... - Giải nghĩa một số từ với sự giúp đỡ của người khác. (Chó là một con vật có bốn chân)...

MT67	3 tuổi: Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại: ví dụ (cô vừa kể cho các con nghe câu chuyện gì? Kể tên các con vật trong chuyện cho cô? Hay trong tranh có con vật gì....? trong bài thơ đã miêu tả đến ai, con vật gì... - Nghe các bài hát bài thơ, ca dao, đồng dao, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
	4 tuổi: Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	
MT68	3 tuổi: Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ đọc thuộc được bài thơ, ca dao, đồng dao hò vè. - Trẻ đọc diễn cảm bài thơ, câu truyện, ca dao, đồng dao, hò vè. - Trẻ hiểu được nội dung bài thơ, câu truyện, ca dao, đồng dao, hò vè.
	4 tuổi: Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	
MT69	3 tuổi: Lắng nghe và hiểu nội dung truyện kể, đọc truyện phù hợp với độ tuổi dưới sự giúp đỡ của cô giáo.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ được nghe, hiểu về nội dung, tình tiết, nhân vật trong truyện phù hợp với độ tuổi. - Biết kể chuyện cùng cô.
	4 tuổi: Nghe hiểu nội dung truyện kể, đọc truyện phù hợp với độ tuổi.	
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày		
MT 70	3 tuổi: Nói rõ các tiếng.	
	4 tuổi: Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	
MT71	3 tuổi: Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp thể hiện tính cách nhân vật theo lời dẫn truyện của giáo viên. - Thể hiện được các vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề... - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét
	4 tuổi: Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	

		mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
MT72	3 tuổi: Đóng vai theo lời dẫn truyện của giáo viên.	- Trẻ đóng kịch theo khả năng của trẻ hay sự giúp đỡ của cô.
	4 tuổi: Đóng kịch	
MT73	3 tuổi: Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại câu chuyện ngắn dựa vào trí nhớ hoặc qua truyện đã được cô giáo, bố mẹ kể hoặc đọc cho trẻ nghe với đầy đủ yếu tố (nhân vật, lời nói của các nhân vật, thời gian, địa điểm và diễn biến theo đúng trình tự nội dung của câu chuyện. Lời kể rõ ràng thể hiện qua cảm xúc, lời kể và cử chỉ, nét mặt.
	4 tuổi: Kể chuyện có mở đầu kết thúc.	
MT74	3 tuổi: Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	- Biết sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa... trong giao tiếp.
	4 tuổi: Sử dụng các từ lễ phép trong giao tiếp.	- Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp - Biết chào hỏi, mời cô, mời bạn...
MT75	3 tuổi: Nói đủ nghe, không nói lí nhí.	- Phát âm đúng và rõ ràng những điều muốn nói để người khác có thể hiểu được. - Sử dụng lời nói dễ dàng, thoải mái, nói với âm lượng vừa đủ trong giao tiếp
	4 tuổi: Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	- Biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh nói nhẹ nhàng, nói với âm lượng vừa đủ trong giao tiếp.
3. Làm quen với việc đọc – viết		
MT76	3 tuổi: Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	- Biết chọn sách tranh truyện để xem. - Thể hiện sự thích thú với sách. Trẻ mang sách, truyện đến và yêu cầu

	4 tuổi: Chọn sách để xem.	người khác đọc cho nghe, hỏi, trao đổi về chuyện được nghe, đọc.
MT77	3 tuổi: Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên các nhân vật trong tranh.	- Biết gọi tên các nhân vật trong tranh theo khả năng của trẻ. - Biết mô tả các hành động của các nhân vật trong tranh theo khả năng của trẻ.
	4 tuổi: Mô tả các hành động của các nhân vật trong tranh.	
MT78	3 tuổi: Cầm sách đúng chiều mở sách, xem tranh và đọc truyện.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Biết cách mở, xem tranh trong sách đúng chiều mở lật sách. Xem tranh và kể truyện theo tranh.
	4 tuổi: Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”)	- Biết đọc sách từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.
MT79	3 tuổi: Tiếp xúc với chữ, sách truyện.	- Trẻ nhận dạng một số chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt dưới sự giúp đỡ của cô.
	4 tuổi: Nhận dạng một số chữ cái.	
MT80	3 tuổi: Thích vẽ, viết nguệch ngoạc.	- Cầm bút và ngồi đúng cách. - Biết tập tô, tập đồ các nét trong vui chơi và các hoạt động hàng ngày.
	4 tuổi: Tập tô, tập đồ các nét chữ.	- Vẽ, viết nguệch ngoạc theo ý thích.
MT81	3 tuổi: Giữ gìn sách	- Để sách đúng nơi qui định. - Giữ gìn sách: không ném, vẽ bậy, xé, làm nhăn, nhàu, hỏng sách, ngồi, dẫm,.. lên sách.
	4 tuổi: Giữ gìn, bảo vệ sách	- Có thái độ tốt đối với sách.(buồn, không đồng tình khi bạn làm hỏng sách; áy náy lo lắng khi nhìn thấy sách bị hỏng, rách,...)
MT82	3 tuổi: Nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống:	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh,

	nhà vệ sinh , cắm lửa, nói như hiể	lỗi ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)
	4 tuổi: Nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh , cắm lửa, nói như hiể	Hướng đọc viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới Làm quen với hướng viết các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu
MT83	3 tuổi: Chỉ được tiếng trong trang sách từ trái sang phải, từ trên xuống dưới.	- Trẻ có thể viết lại những trải nghiệm của mình qua những bức tranh hay biểu tượng đơn giản và sẵn sàng chia sẻ với người khác.
	4 tuổi: Biết hướng viết của các nét chữ;	- Giả vờ đọc và sử dụng ký hiệu chữ viết và các ký hiệu khác để biểu lộ ý muốn, suy nghĩ - Yêu cầu người lớn viết lời chuyện do trẻ tự nghĩ dưới tranh vẽ. - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lỗi ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)
MT84	3 tuổi: Trẻ biết sử dụng kí hiệu để viết: tên, thiệp chúc mừng khi được hướng dẫn.	Hướng đọc viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới Làm quen với hướng viết các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu
	4 tuổi: Trẻ biết sử dụng kí hiệu để viết: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng.	
IV. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI		
1. Phát triển tình cảm		
a. Thể hiện ý thức về bản thân		
MT85	3 tuổi: Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Trẻ biết giới thiệu về bản thân. - Họ và tên trẻ, tuổi, giới tính.
	4 tuổi: Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	- Sở thích, khả năng của bản thân. - Biết và nói được tên bố, tên mẹ.
MT86	3 tuổi: Nói được điều bé thích,	- Trẻ nói được sở thích của bản thân.

	không thích.	VD. Con thích chơi bán hàng, thích nghe kể chuyện - Trẻ nói được điều thích, không thích những việc gì bé có thể làm được.
	4 tuổi: Nói được điều bé thích, không thích những việc gì bé có thể làm được.	
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực		
MT87	3 tuổi: Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời các câu hỏi.	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời các câu hỏi khi được hỏi. - Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao.(chia giấy, vẽ, xếp đồ chơi...).
	4 tuổi: Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích	- Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích của trẻ. - Biết giữ gìn đồ dùng đồ chơi, đoàn kết khi tham gia vào trò chơi.
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.		
MT88	3 tuổi: Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt cử chỉ giọng nói.	- Trẻ nhận biết và nói được một số trạng thái cảm xúc của người khác : Vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua nét mặt, cử chỉ, điệu bộ khi tiếp xúc trực tiếp, hoặc qua tranh, ảnh.
	4 tuổi: Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt cử chỉ giọng nói, tranh ảnh.	
MT89	3 tuổi: Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi, đọc thơ, kể chuyện, hát, vận động.	- Trẻ thể hiện những trạng thái cảm xúc của bản thân: Vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua lời nói, nét mặt, cử chỉ, và điệu bộ trò chơi, đọc thơ, kể chuyện, hát, vận động, vẽ, nặn, xếp hình...trong các hoạt động.
	4 tuổi: Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi, đọc	

	thơ, kể chuyện, hát, vận động, vẽ, nặn, xếp hình.	
MT90	3 tuổi: Kính yêu Bác Hồ	- Xem tranh ảnh Bác Hồ.
	4 tuổi: Kính yêu Bác Hồ	- Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua bài hát, bài thơ, câu chuyện về Bác Hồ.
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		
MT91	3 tuổi: Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình.	- Biết thực hiện một số quy định ở lớp và gia đình và cộng đồng như: Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường...
	4 tuổi: Một số quy định ở lớp, gia đình và cộng đồng.	- Biết giúp đỡ cô giáo, ông bà, bố mẹ, bạn bè. - Tôn trọng, yêu thương người lớn và các em nhỏ, biết nhường em.
MT92	3 tuổi: Biết chào hỏi, nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi khi được nhắc nhở.	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép với người lớn.
	4 tuổi: Biết nói lời nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Phân biệt được tốt, xấu; đúng, sai.
MT93	3 tuổi: Chờ đến lượt	- Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động.
	4 tuổi: Chờ đến lượt, hợp tác	- Trong các trường hợp đông người, trẻ biết xếp hàng, vui vẻ (kiên nhẫn) chờ đến lượt. - Không chen ngang, không xô đẩy người khác. - Không tranh nói trước khi trò chuyện trong nhóm.
MT94	3 tuổi: Chơi hòa thuận với bạn.	- Không đánh bạn, không dành giật của bạn, không la hét hoặc nằm ăn vạ.
	4 tuổi: Quan tâm, giúp đỡ bạn.	Yêu mến bạn, an ủi, dỗ dành bạn,...

		- Vui vẻ chia sẻ đồ chơi với bạn.
MT95	3 tuổi: Chú ý nghe khi cô nói, bạn nói.	- Trẻ biết lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.
	4 tuổi: Chú ý nghe khi cô, bạn nói. Không ngắt lời.	
MT96	3 tuổi: Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	<ul style="list-style-type: none"> - Biết chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ - Có ý thức chờ đợi đến lượt mình không chen lấn trong các hoạt động cũng như trò chơi. - Sẵn sàng trao đổi, hướng dẫn, giúp đỡ bạn trong hoạt động cùng nhóm - Biết trình bày ý kiến của mình với các bạn. - Biết dùng lời để trao đổi hoặc biết nhờ đến sự giúp đỡ. - Biết thỏa thuận dựa trên sự hiểu biết về quyền của mình và nhu cầu của bạn.
	4 tuổi: Biết trao đổi thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...)	
MT97	3 tuổi: Nhận biết hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”.	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được các hành vi đúng / sai trong ứng xử với môi trường xung quanh. - Phân biệt, mô tả được các hành vi đúng / sai trong ứng xử trong giao tiếp với môi trường xung quanh.
	4 tuổi: Phân biệt hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”.	
5. Quan tâm đến môi trường		
MT98	3 tuổi: Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Thích quan sát, thích được chăm sóc bảo vệ, cây trồng, vật nuôi (bón phân, nhổ cỏ, tưới nước, nhặt lá vàng, cho các con vật ăn (gà, vịt,..))
	4 tuổi: Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	
MT99	3 tuổi: Không bẻ cành bứt hoa dưới sự hướng dẫn của người	- Trẻ không bẻ cành, bứt hoa làm ảnh hưởng đến cảnh quang môi trường.

	lớn.	
	4 tuổi: Không bẻ cành, bứt hoa.	
MT100	3 tuổi: Biết Tiết kiệm điện, nước dưới sự hướng dẫn của người lớn.	Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt tắt điện khi ra khỏi phòng.
	4 tuổi: Tiết kiệm điện, nước.	
V. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ		
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật		
MT101	3 tuổi: Biết bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.	- Vui sướng, vỗ tay, nói lời cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng. (như màu sắc, hình dáng...)
	4 tuổi: Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.	
MT102	3 tuổi: Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện.	- Trẻ nghe và cảm nhận, thể hiện được nhịp điệu bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, nghe kể câu chuyện... - Nhận ra các loại nhạc như: (nhạc thiếu nhi, dân ca, quốc tế,...) tục ngữ, ca dao, hò, vè...
	4 tuổi: Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư)	

	theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	
MT103	3 tuổi: vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của tác phẩm tạo hình.	<ul style="list-style-type: none"> - Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình về màu sắc, hình dáng... của tác phẩm tạo hình. - Trẻ biết yêu cái đẹp, biết tạo ra cái đẹp.
	4 tuổi: Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của tác phẩm tạo hình.	
2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình		
MT104	3 tuổi: Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca).	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ lắng nghe và tỏ ra thích thú khi nghe những giai điệu dân ca, nhạc thiếu nhi. - Trẻ nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau, tỏ ra thích thú khi nghe những giai điệu dân ca, nhạc thiếu nhi... - Biết thể hiện cử chỉ qua lời bài hát dân ca, thiếu nhi...
	4 tuổi: Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca).	
MT105	3 tuổi: Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.	<ul style="list-style-type: none"> - Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc. - Biết thể hiện cử chỉ qua lời bài hát. - Trẻ cảm nhận được nội dung của bài hát
	4 tuổi: Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	
MT106	3 tuổi: Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.	<ul style="list-style-type: none"> - Biết sử dụng 1 số dụng cụ âm nhạc như kèn, trống, sắc xô, gõ... theo phách, nhịp, tiết tấu.
	4 tuổi: Sử dụng các dụng cụ	

	gỗ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	- Biết tên gọi 1 số dụng cụ đó.
MT107	3 tuổi: Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên sẵn có để tạo ra sản phẩm.
	4 tuổi: Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	- Trẻ biết phối hợp và sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên sẵn có để tạo ra sản phẩm.
MT108	3 tuổi: Vẽ, tô màu các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng các kĩ năng vẽ, tô màu để tạo ra sản phẩm có màu sắc, hình dáng/đường nét. (Theo mẫu)
	4 tuổi: Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục. MT107	- Sử dụng các kĩ năng vẽ, tô màu để tạo ra sản phẩm có màu sắc, hình dáng/đường nét. (theo mẫu, theo đề tài, theo ý thích). - Vẽ, tô màu các nét thẳng, xiên, ngang, cây, nhà, đồ vật, đồ chơi, con vật, vẽ mưa.
MT109	3 tuổi: Xé dán giấy theo dải, xé vụn tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng các kĩ năng xé, cắt để tạo ra sản phẩm đơn giản. - Xé theo dải, xé vụn.
	4 tuổi: Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	- Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản. - Xé hình vuông, tam giác, hình chữ nhật, hình tròn, theo sự giúp đỡ của cô giáo... - Dán đúng vị trí để tạo thành sản phẩm có bố cục hợp lí, đẹp mắt.
MT110	3 tuổi: Lăn dọc, xoay, ấn bẹt, bẻ, đất nặn thành sản phẩm có	- Sử dụng các kĩ năng nặn để tạo ra sản phẩm.

	1 khối hoặc 2 khối. 4 tuổi: Làm lõm, dõ bẹt, bề loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	- Nặn bánh, hình tròn, hình vuông, nặn các loại quả....
MT111	3 tuổi: Nhận xét sản phẩm tạo hình.	- Biết đưa ra nhận xét sản phẩm tạo hình của bản thân và của bạn khác.
	4 tuổi: Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật		
MT112	3 tuổi: Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát. - Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc. - Vận động sáng tạo, theo ý thích khi hát, khi nghe bản nhạc quen thuộc.
	4 tuổi: Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.	
MT113	3 tuổi: Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát dưới sự giúp đỡ của cô.	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát. - Sử dụng dụng cụ âm nhạc theo ý thích.
	4 tuổi: Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.	
MT114	3 tuổi: Tạo ra sản phẩm theo ý thích	- Sử dụng các kỹ năng để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét, bố cục theo ý thích của trẻ.
	4 tuổi: Tự lựa chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	
MT115	3 tuổi: Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình theo khả năng của trẻ, theo sự gợi ý của cô. - Biết nói lên ý tưởng tạo hình của
	4 tuổi: Nói tên ý tưởng tạo hình của mình.	

		mình. - Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình theo khả năng của trẻ, theo sự gợi ý của cô.
--	--	--

Dự kiến chủ đề và thời gian thực hiện

STT	CHỦ ĐỀ	TUẦN	THỜI GIAN THỰC HIỆN
1	Trường Mầm Non (4 tuần)	1. Ngày hội đến trường của bé	1 9/9 đến 13/9/2024
		2. Trường MN của bé - Tết trung thu	2 16/9 đến 20/9/2024 (sự kiện TT ngày 17)
		3. Lớp học của bé	3 23/9 đến 27/09/2024
		4. Đồ dùng, đồ chơi của lớp	4 30/9 đến 4/10/2024
2	Bản Thân (3 tuần)	1. Tôi là ai	5 7/10 đến 11/10/2024
		2. Cơ thể tôi	6 14/10 đến 18/10/2024
		3. Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh (Ngày phụ nữ việt nam)	7 21/10 đến 25/10/2024
3	Gia Đình (4 tuần)	1. Gia đình bé	8 28/10 đến 1/11/2024
		2. Họ hàng của gia đình bé	9 4/11 đến 8/11/2024
		3. Đồ dùng trong gia đình bé	10 11/11 đến 15/11/2024
		4. Nhu cầu của gia đình (Ngày hội của các thầy cô giáo)	11 18/11 đến 22/11/2024
4	Nghề Nghiệp (4 tuần)	1. Nghề xây dựng	12 25/11 đến 29/11/2024
		2. Nghề sản xuất	13 2/12 đến 6/12/2024
		3. Nghề dịch vụ	14 9/12 đến 13/12/2024
		4. Nghề truyền thống ở địa phương (Lồng ghép	15 16/12 đến 20/12/2024

		ngày 22/12)			
5	Thế giới động vật (4 tuần)	1. Động vật nuôi trong gia đình	16	23/12 đến 27/12/2024	
		2. Động vật sống dưới nước	17	30/12 đến 3/01/2025 (Tết dương lịch)	
		3. Động vật sống trong rừng	18	6/1 đến 10/1/2025	
		4. Chim và côn trùng	19	13/01 đến 17/01/2025	
6	Thế giới thực vật (4 tuần)	1. Tết nguyên đán	20	20/1 đến 24/01/2025	
		Dự kiến nghỉ tết Nguyên đán từ ngày 27/1/2025 đến ngày 4/2/2025			
		2. Một số loại rau	21	5/2 đến 7/02/2025	
		3. Một số loại hoa -quả	22	10/02 đến 14/02/2025	
7	Một số PTGT-LLGT (4 tuần)	4. Cây xanh và môi trường sống	23	17/2 đến 21/02/2025	
		1. Phương tiện giao thông đường bộ.	24	24/2 đến 28/2/2025	
		2. PTGT Đường sắt (Lồng ghép 8/3)	25	3/3 đến 7/03/2025	
		3. PTGT Đường thủy- Đường hàng không	26	10/3 đến 14/3/2025	
8	Nước - HTTN (4 tuần)	4. Luật lệ giao thông	27	17/3 đến 21/3/2025	
		1. Một số hiện tượng tự nhiên	28	24/3 đến 28/03/2025	
		2. Sự kì diệu của nước	29	31/3 đến 4/4/2025	
		3. Các mùa trong năm	30	7/04 đến 11/4/2025	
9	QHĐN BH – Tết	4. Mùa hè của bé	31	14/4 đến 18 /4/2025	
		1. Quê hương của bé	32	21/4 đến 25/4/2025	
		2. Đất nước Việt Nam diệu kỳ	33	28/4 đến 2/5/2025	

thiếu nhi (4 tuần)	3. Bác Hồ kính yêu	34	5/5 đến 9/5/2025
	4. Vui tết thiếu nhi 1.6	35	12/5 đến 16/5/2025

Trên đây là Kế hoạch chăm sóc giáo dục của lớp Ghép Chồi Thôn 15 năm học 2024 - 2025. Kính đề nghị BGH nhà trường phê duyệt để lớp Ghép chồi Thôn 15 tiến hành thực hiện đạt hiệu quả./.

BAN GIÁM HIỆU PHÊ DUYỆT



Bùi Thị Thu Hằng

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

Kiều Thị Loan - Hồ Thị Ly